

Số: 13/2013/TT-BCT

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2013

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2011/TT-BCT ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;

Căn cứ Nghị định số 35/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về biện pháp pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2011/TT-BCT ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2011/TT-BCT ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương

1. Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 5 như sau:

“d) Rà soát xác định các nội dung có liên quan đến bình đẳng giới hoặc vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới. Trong trường hợp xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới, cần dự kiến những chính sách và biện pháp để thực hiện bình đẳng giới, không phân biệt đối xử về giới; xác định nguồn nhân lực, tài chính cần thiết để triển khai thực hiện bình đẳng giới trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị mình.”

2. Bổ sung khoản 5, Điều 7 như sau:

“5. Trước khi gửi Vụ Pháp chế thẩm tra đối với luật, pháp lệnh, nghị định và quyết định của Thủ tướng Chính phủ, đơn vị lập đề nghị phải gửi toàn bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này đến Bộ Công an để lấy ý kiến về sự phù hợp với yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự”.

3. Bổ sung Điều 14a như sau:

“Điều 14a. Lòng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật

Trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến bình đẳng giới, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 8 và Điều 10 Nghị định 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“1. Trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, đơn vị chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, có thể bằng các hình thức: lấy ý kiến trực tiếp; gửi dự thảo để góp ý; tổ chức hội thảo; thông qua trang thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Công Thương hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Đối với dự án luật, pháp lệnh, đơn vị chủ trì soạn thảo phải gửi dự thảo đến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để lấy ý kiến. Trong đó, cần lấy kiến của Bộ Tài chính về nguồn tài chính, ý kiến của Bộ Nội vụ về nguồn nhân lực, ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về tác động môi trường, ý kiến của Bộ Ngoại giao về sự tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, ý kiến của Bộ Công an liên quan đến an ninh, trật tự.

3. Đối với dự thảo nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, đơn vị chủ trì soạn thảo phải có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến theo quy định sau:

a) Đối với dự thảo nghị định của Chính phủ: Đơn vị chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; nêu những vấn đề cần xin ý kiến và xác định cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến đóng góp.

Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình những nội dung tiếp thu hoặc không tiếp thu các ý kiến đóng góp. Văn bản tiếp thu hoặc giải trình các ý kiến và dự thảo đã được tiếp thu, chỉnh lý phải được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Công Thương.

Đối với những dự thảo liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi tới Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến của các doanh nghiệp;

b) Đối với dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng: Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của Bộ, ngành liên quan tùy theo tính chất, nội dung của dự thảo; lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp văn bản có quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi tới Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến của các doanh nghiệp.

4. Đối với dự thảo nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến an ninh, trật tự, ngoài việc phải lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi hồ sơ dự thảo đến Bộ Công an để lấy ý kiến về tác động của văn bản đối với yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự

5. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp ý kiến theo các nhóm đối tượng; gửi Vụ Pháp chế để đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ văn bản tiếp thu hoặc giải trình các ý kiến và dự thảo đã được tiếp thu chỉnh lý.

6. Đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Vụ Pháp chế đăng tải toàn văn dự thảo và bản báo cáo đánh giá tác động của văn bản (đối với dự án luật, pháp lệnh; dự thảo nghị định của Chính phủ), xác định địa chỉ và thời hạn tiếp nhận ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ hoặc của Bộ Công Thương trong thời gian ít nhất là 60 (sáu mươi) ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý.”

5. Bổ sung Khoản 4 Điều 16 như sau:

“4. Trong quá trình soạn thảo các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính cơ quan chủ trì soạn thảo phải thực hiện đánh giá tác động đối với quy định về thủ tục hành chính theo các tiêu chí sau đây:

- a) Sự cần thiết của thủ tục hành chính;
- b) Tính hợp lý của thủ tục hành chính;
- c) Tính hợp pháp của thủ tục hành chính;
- d) Các chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

Việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính được thực hiện theo biểu mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Lấy ý kiến đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Trước khi gửi thẩm định, đơn vị chủ trì soạn thảo phải gửi lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định sau đây:

a) Lấy ý kiến Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (thuộc Bộ Tư pháp) đối với thủ tục hành chính quy định trong dự thảo luật, pháp lệnh; dự thảo nghị định

của Chính phủ, dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, dự thảo thông tư liên tịch;

b) Lấy ý kiến Vụ Pháp chế đối với thủ tục hành chính quy định trong dự thảo thông tư của Bộ trưởng.

2. Nội dung cho ý kiến về quy định thủ tục hành chính theo các vấn đề quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định về Kiểm soát thủ tục hành chính.

Trong trường hợp cần thiết Vụ Pháp chế tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng chịu sự tác động của quy định về thủ tục hành chính thông qua tham vấn, hội nghị, hội thảo hoặc biểu mẫu lấy ý kiến do Bộ Tư pháp ban hành và đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính để tổng hợp ý kiến gửi cơ quan chủ trì soạn thảo.

3. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Vụ pháp chế theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này. Trường hợp không tiếp thu ý kiến, đơn vị chủ trì soạn thảo phải có giải trình cụ thể bằng văn bản và phải gửi ngay toàn bộ hồ sơ cho Vụ Pháp chế để thẩm định”.

7. Sửa đổi Điểm d Khoản 5 Điều 20 như sau:

“đ. Báo cáo giải trình về việc tiếp thu ý kiến về thủ tục hành chính quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 19 của Thông tư này”.

8. Bổ sung Khoản 6 Điều 23 như sau:

“6. Các nội dung cụ thể khác: Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính, Vụ Pháp chế có trách nhiệm thẩm định thủ tục hành chính theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định về Kiểm soát thủ tục hành chính và thể hiện nội dung này trong Báo cáo thẩm định.

Trong quá trình thẩm định văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến bình đẳng giới, Vụ Pháp chế có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 8 và Điều 11 của Nghị định 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.”

9. Sửa đổi khoản 1 Điều 24 như sau:

“Vụ Pháp chế chủ trì cuộc họp thẩm định văn bản quy phạm pháp luật. Đối với những văn bản có nội dung liên quan đến yếu tố kỹ thuật chuyên ngành, những nội dung có nhiều ý kiến khác nhau, Vụ Pháp chế có thể mời đại diện đơn vị chủ trì soạn thảo, tổ soạn thảo, các chuyên gia, kỹ thuật viên và các đơn vị khác có liên quan tham gia cuộc họp thẩm định.”

10. Sửa đổi tên Chương V thành “Ban hành, công bố, dịch và hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật”.

11. Sửa đổi khoản 2 Điều 26 như sau:

“2. Dự thảo thông tư trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành phải có đầy đủ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này; chữ ký tắt của lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn

thảo; chữ ký tắt của lãnh đạo Vụ Pháp chế ở góc phải cuối mỗi trang của dự thảo văn bản và chữ ký tắt của Chánh Văn phòng Bộ vào vị trí cuối cùng ở “Nơi nhận” theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế (mẫu) công tác văn thư, lưu trữ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xây dựng quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức.”

12. Sửa đổi Khoản 2, Điều 29 như sau:

“2. Việc dịch văn bản được thực hiện theo hình thức thuê tổ chức, cá nhân có chuyên môn”.

13. Bổ sung Điều 29a như sau:

“Điều 29a. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật phải được hợp nhất về mặt kỹ thuật với văn bản được sửa đổi, bổ sung.

2. Các đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm chủ trì thực hiện việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị mình chủ trì soạn thảo và phối hợp với Vụ Pháp chế trình Bộ trưởng ký xác thực văn bản hợp nhất theo đúng thời gian quy định tại Khoản 3 Điều 6 và Khoản 5 Điều 7 Pháp lệnh hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật như sau:

a) Đối với việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, văn bản liên tịch giữa Chính phủ với cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản sửa đổi, bổ sung do Văn phòng Chính phủ gửi đến, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tiến hành hợp nhất và trình Bộ trưởng ký xác thực vào văn bản hợp nhất;

b) Đối với việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tiến hành hợp nhất và trình Bộ trưởng ký xác thực vào văn bản hợp nhất.

3. Sau khi tiến hành hợp nhất, các đơn vị chủ trì hợp nhất tiến hành gửi đăng văn bản hợp nhất trên Công báo điện tử và Cổng thông tin điện tử như sau:

a) Đối với việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, văn bản liên tịch giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội: Đơn vị chủ trì hợp nhất gửi văn bản hợp nhất cho Văn phòng Bộ để gửi Văn phòng Chính phủ đưa lên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và gửi đăng Công báo điện tử trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ trưởng ký xác thực;

b) Đối với việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng: Đơn vị chủ trì hợp nhất gửi văn bản hợp nhất cho Văn phòng Bộ để đưa lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng Công báo điện tử ngay sau khi Bộ trưởng ký xác thực vào văn bản.

4. Chế độ báo cáo: đơn vị chủ trì hợp nhất văn bản có trách nhiệm báo cáo về tình hình thực hiện hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị mình định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất gửi Vụ Pháp chế tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ.”

14. Bãi bỏ điểm c, khoản 2 Điều 18 và Phụ lục 4, Phụ lục 5, Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BCT ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC – Bộ Tư pháp;
- Các Sở Công Thương;
- Thông tấn xã Việt Nam;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Hội Luật gia Việt Nam;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

(đã ký)

Vũ Huy Hoàng